

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DI LINH  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST.

Ngày: 14-01-2025

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng  
vay, mua bán tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Văn Phương và ông Đào Duy Trâm

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phí Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Bà My La - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số D, Thôn D, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

*Bị đơn:* Ông Trần Văn K, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số A, Thôn D, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2024 và các tài liệu chứng cứ, của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T trình bày:*

Ông Trần Văn K trước đây là em rể của ông. Từ năm 2013 ông có làm ăn với ông Trần Văn K. Từ năm 2022 ông Trần Văn K còn nợ ông các khoản tiền vay và mua bán cụ thể như sau:

1. Ngày 05-5-2022 hai bên chốt nợ ông Trần Văn K còn nợ ông số tiền vay gốc

là 593.857.000 đồng, thoả thuận lãi suất 1,8%/tháng, thời hạn trả ngày 31-12-2022.

2. Ngày 20-6-2022 ông bán cho ông Trần Văn K phân bón số tiền 21.970.000 đồng;

3. Ngày 18-7-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền 30.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 1,8%/tháng;

4. Ngày 24-7-2022 ông bán cho ông Trần Văn K phân bón số tiền 25.350.000 đồng;

5. Ngày 10-9-2022 ông bán cho ông Trần Văn K phân bón số tiền 20.690.000 đồng;

6. Ngày 20-9-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền 10.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 1,8%/tháng;

7. Ngày 27-9-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền 10.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 1,8%/tháng;

8. Ngày 02-10-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền 10.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 1,8%/tháng;

9. Ngày 19-10-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền 10.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 1,8%/tháng;

10. Ngày 05-11-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền 20.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 1,8%/tháng;

11. Ngày 24-11-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền 10.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 1,8%/tháng;

12. Ngày 11-12-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền 10.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 1,8%/tháng;

13. Ngày 16-12-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền 30.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 1,8%/tháng;

14. Ngày 03-01-2023 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền 2.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 1,8%/tháng;

15. Ngày 12-01-2023 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền 20.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 1,8%/tháng;

16. Ngày 21-4-2023 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền 15.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 1,8%/tháng;

17. Ngày 16-5-2023 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền 15.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 1,8%/tháng;

18. Ngày 03-11-2023 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền 5.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 1,8%/tháng.

Ông Trần Văn K còn nợ ông tiền mua bán là 68.010.000 đồng và tiền vay gốc là 785.857.000 đồng, tổng cộng là 853.867.000 đồng và tiền lãi.

Ngoài ra, ông Trần Văn K ứng tiền mức đất vào các ngày 11-3-2023 số tiền 2.000.000 đồng; ngày 30-3-2023 số tiền 2.000.000 đồng và ngày 27-4-2023 số tiền 5.000.000 đồng. Tổng cộng 9.000.000 đồng, ông không yêu cầu ông Trần Văn K trả cho ông số tiền này.

Tại phiên toà ông tự nguyện rút một phần yêu cầu đối với khoản vay ngày 03-11-2023 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền 5.000.000 đồng, do người vay là ông Trần Văn K không ký xác nhận mà người ký xác nhận là cháu của ông K tên là Q.

Về tiền lãi yêu cầu cụ thể như sau:

*Tiền mua bán 68.010.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.*

*Tiền vay:*

1. Ngày 05-5-2022 hai bên chốt nợ ông Trần Văn K còn nợ ông số tiền vay gốc là 593.857.000 đồng, tiền lãi như sau:

- Lãi trong hạn từ ngày 05-5-2022 đến ngày 20-12-2022 là 7,5 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 74.380.000 đồng;

- Lãi quá hạn từ ngày 20-12-2022 đến ngày 14-01-2025 là 24,8 tháng, mức lãi 30%/năm, thành tiền là 368.191.000 đồng;

- Lãi của số tiền lãi chậm trả từ ngày 20-12-2022 đến ngày 14-01-2025 là 24,8 tháng, mức lãi 10%/năm, thành tiền là 15.371.000 đồng;

2. Ngày 18-7-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền gốc 30.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 18-7-2022 đến ngày 14-01-2025 là 29,9 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 14.949.000 đồng;

3. Ngày 20-9-2022 ông cho ông Trần Văn K vay gốc số tiền 10.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 20-9-2022 đến ngày 14-01-2025 là 27,8 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 4.633.000 đồng;

4. Ngày 27-9-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền gốc 10.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 27-9-2022 đến ngày 14-01-2025 là 27,6 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 4.600.000 đồng;

5. Ngày 02-10-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền 10.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 02-10-2022 đến ngày 14-01-2025 là 27,4 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 4.448.000 đồng;

6. Ngày 19-10-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền gốc 10.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 19-10-2022 đến ngày 14-01-2025 là 26,2 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 4.566.000 đồng;

7. Ngày 05-11-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền gốc 20.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 05-11-2022 đến ngày 14-01-2025 là 26,3 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 8.766.000 đồng;

8. Ngày 24-11-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền gốc 10.000.000 đồng;

tiền lãi từ ngày 24-11-2022 đến ngày 14-01-2025 là 25,7 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 4.283.000 đồng;

9. Ngày 11-12-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền gốc 10.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 11-12-2022 đến ngày 14-01-2025 là 25,1 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 4.183.000 đồng;

10. Ngày 16-12-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền gốc 30.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 16-12-2022 đến ngày 14-01-2025 là 25 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 12.500.000 đồng;

11. Ngày 03-01-2023 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền gốc 2.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 03-01-2023 đến ngày 14-01-2025 là 24,4 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 813.000 đồng;

12. Ngày 12-01-2023 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền gốc 20.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 12-01-2023 đến ngày 14-01-2025 là 24,1 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 8.033.000 đồng;

13. Ngày 21-4-2023 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền gốc 15.000.000 đồng; không yêu cầu tiền lãi;

14. Ngày 16-5-2023 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền 15.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Tiền mua bán là 68.010.000 đồng, tiền vay gốc là 785.857.000, tiền lãi là 592.716.000 đồng, tổng cộng là 1.383.583.000 đồng.

Nay ông yêu cầu ông Trần Văn K có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vay và mua bán tài sản là 1.284.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm tám mươi bốn triệu đồng*). Ngoài ra, ông không yêu cầu gì khác.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh: Giấy viết tay ngày 05-5-2022; Giấy viết tay ngày 18-7-2022; Giấy viết tay ngày 13-9-2022; Giấy viết tay ngày 06-12-2022; Giấy viết tay ngày 21-01-2023.

*Quá trình tố tụng ông Trần Văn K trình bày:*

Vợ ông là bà Nguyễn Thị M, em gái ruột của ông Nguyễn Xuân T, ông và bà M kết hôn năm 2008, ly hôn năm 2018.

Từ năm 2006 ông có làm ăn với ông Nguyễn Xuân T. Ông xác định có vay tiền, mua bán phân bón của ông Nguyễn Xuân T và đồng ý trả theo quy định của pháp luật, không đồng ý trả theo yêu cầu của ông Nguyễn Xuân T.

Ông Trần Văn K xác định: Giấy viết tay ngày 05-5-2022; Giấy viết tay ngày 18-7-2022; Giấy viết tay ngày 13-9-2022; Giấy viết tay ngày 06-12-2022; Giấy viết tay ngày 21-01-2023, dòng cuối cùng có chữ ký do ông viết và ký ra. Mặt sau toàn bộ chữ ký là chữ ký của ông.

Ngoài ra, ông không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T, đình chỉ đối với yêu cầu của ông Nguyễn Xuân T rút tại phiên tòa. Buộc bị đơn ông Trần Văn K có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền mua bán tài sản và tiền vay gốc, lãi theo quy định của pháp luật. Buộc các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Xuân T có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự với ông Trần Văn K. Ông Trần Văn K đang cư trú tại huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh và Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Xuân T khởi kiện ông Trần Văn K vay và mua bán số tiền là 1.352.215.000 đồng của ông nhưng đến nay chưa trả. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định giữa ông Nguyễn Xuân T và ông Trần Văn K là tranh chấp hợp đồng dân sự vay và mua bán tài sản.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Ông Nguyễn Xuân T xác định ông Trần Văn K còn nợ ông số tiền mua bán là 68.010.000 đồng và tiền vay gốc là 785.857.000 đồng, tiền lãi 529.716.000 đồng. Tổng cộng tiền mua bán và tiền vay còn nợ là 1.383.583.000 đồng. Ông Nguyễn Xuân T yêu cầu ông Trần Văn K có nghĩa vụ trả cho ông số tiền mua bán và vay tài sản là 1.284.000.000 đồng. Ngoài ra, ông Nguyễn Xuân T không yêu cầu gì khác.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh: Giấy viết tay ngày 05-5-2022; Giấy viết tay ngày 18-7-2022; Giấy viết tay ngày 13-9-2022; Giấy viết tay ngày 06-12-2022; Giấy viết tay ngày 21-01-2023.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc vay tiền và mua bán phân bón đều có viết giấy, ông Trần Văn K đều ký tên hoặc ký và ghi họ tên để xác nhận vay tiền và mua bán phân bón của ông Nguyễn Xuân T. Về tiền lãi: Giao dịch dân sự vay tài sản được thực hiện từ năm 2022 đến năm 2023, hai bên thoả thuận 1,8%/tháng, tuy nhiên tại phiên tòa ông Nguyễn Xuân T yêu cầu mức lãi suất 20%/năm phù hợp quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận. Riêng đối với khoản tiền lãi của số tiền vay ngày 05-5-2022 là 593.857.000 đồng, trong giấy vay tiền chỉ thoả thuận mức lãi suất 1,8%/tháng, thời hạn trả ngày 31-12-2022, không thoả thuận mức lãi suất quá hạn nên không chấp nhận khoản lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức 30%/năm mà điều

chỉnh thành 20%/năm và không chấp nhận lãi của số tiền lãi chậm trả 10%/năm do trong giấy vay không thoả thuận về hai khoản tiền lãi này. Đối với khoản vay ngày 21-4-2023 và ngày 16-5-2023 tại phiên toà ông Nguyễn Xuân T không yêu cầu tính tiền lãi nên không xem xét về tiền lãi.

Tuy nhiên, do ông Nguyễn Xuân T tính toán không đúng cần điều chỉnh lại như sau:

*Tiền lãi của các khoản tiền vay:*

1. Ngày 05-5-2022 hai bên chốt nợ ông Trần Văn K còn nợ ông số tiền vay gốc là 593.857.000 đồng, tiền lãi từ ngày 05-5-2022 đến ngày 14-01-2025 là 32,36 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 320.286.000 đồng;

2. Ngày 18-7-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền gốc 30.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 18-7-2022 đến ngày 14-01-2025 là 29,86 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 14.930.000 đồng;

3. Ngày 20-9-2022 ông cho ông Trần Văn K vay gốc số tiền 10.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 20-9-2022 đến ngày 14-01-2025 là 27,8 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 4.633.000 đồng;

4. Ngày 27-9-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền gốc 10.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 27-9-2022 đến ngày 14-01-2025 là 27,56 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 4.593.000 đồng;

5. Ngày 02-10-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền 10.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 02-10-2022 đến ngày 14-01-2025 là 27,4 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 4.566.000 đồng;

6. Ngày 19-10-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền gốc 10.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 19-10-2022 đến ngày 14-01-2025 là 26,83 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 4.471.000 đồng;

7. Ngày 05-11-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền gốc 20.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 05-11-2022 đến ngày 14-01-2025 là 26,36 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 8.766.000 đồng;

8. Ngày 24-11-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền gốc 10.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 24-11-2022 đến ngày 14-01-2025 là 25,66 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 4.276.000 đồng;

9. Ngày 11-12-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền gốc 10.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 11-12-2022 đến ngày 14-01-2025 là 25,1 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 4.183.000 đồng;

10. Ngày 16-12-2022 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền gốc 30.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 16-12-2022 đến ngày 14-01-2025 là 24,93 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 12.465.000 đồng;

11. Ngày 03-01-2023 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền gốc 2.000.000 đồng;

tiền lãi từ ngày 03-01-2023 đến ngày 14-01-2025 là 24,36 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 812.000 đồng;

12. Ngày 12-01-2023 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền gốc 20.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 12-01-2023 đến ngày 14-01-2025 là 24,06 tháng, mức lãi 20%/năm, thành tiền là 8.020.000 đồng;

13. Ngày 21-4-2023 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền gốc 15.000.000 đồng; không yêu cầu tiền lãi;

14. Ngày 16-5-2023 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền 15.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Tổng cộng số tiền vay gốc là 785.857.000 đồng, tiền lãi là 392.001.000 đồng, tiền mua bán là 68.010.000 đồng, tổng cộng là 1.245.868.000 đồng.

Xét thấy cần buộc ông Trần Văn K có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền mua bán và vay tài sản còn nợ số tiền 1.245.868.000 đồng là phù hợp.

Đối với hợp đồng mua bán phân bón ông Nguyễn Xuân T không yêu cầu tiền lãi nên không đề cập giải quyết về tiền lãi.

Đối với khoản tiền ông Trần Văn K ứng tiền mức đất vào các ngày 11-3-2023 số tiền 2.000.000 đồng; ngày 30-3-2023 số tiền 2.000.000 đồng và ngày 27-4-2023 số tiền 5.000.000 đồng. Tổng cộng 9.000.000 đồng, ông không yêu cầu ông Trần Văn K trả cho ông số tiền này nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa ông tự nguyện rút một phần yêu cầu đối với khoản vay ngày 03-11-2023 ông cho ông Trần Văn K vay số tiền 5.000.000 đồng, do người vay là ông Trần Văn K không ký xác nhận mà người ký xác nhận là cháu của ông K tên là Q nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn K đều đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, điều này cho thấy bị đơn tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh tại khoản 4 của Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy, ông Nguyễn Xuân T khởi kiện ông Trần Văn K là có cơ sở, cần áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2005 buộc ông Trần Văn K có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền vay gốc là 785.857.000 đồng, tiền lãi là 392.001.000 đồng, tiền mua bán là 68.010.000 đồng, tổng cộng là 1.245.868.000 đồng.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Văn K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Xuân T thuộc trường hợp “*Người cao tuổi*” không nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp quy định của

pháp luật nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2, 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T. Buộc ông Trần Văn K có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền mua bán là 68.010.000 đồng và tiền vay gốc là 785.857.000 đồng, tiền lãi 392.001.000 đồng. Tổng cộng là 1.245.868.000 đồng (*Một tỷ hai trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Xuân T đối với yêu cầu ông Trần Văn K có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền 38.132.000 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T đối với yêu cầu buộc ông Trần Văn K có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền 5.000.000 đồng vay ngày 03-11-2023.

4. Về án phí: Buộc ông Trần Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 49.376.000 đồng (*Bốn mươi chín triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*).

5. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Xuân T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn K có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án



dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Di Linh;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục thi hành án huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ; Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Thị Mỹ Lệ**



